

CN

1/2

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 13-02-2019
Số: 2886

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN 30/6/2018
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT



| NỘI DUNG | Trang |
|--|--------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 3 |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 4 - 5 |
| Báo cáo tài chính đã được soát xét | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 9 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | 10 - 22 |

2015
CÔNG
CHÍNH
S M
AM
IỆT
Y XI

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ

Nhà lô 141 - Khu giãn dân Mỗ Lao - Hà Đông - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 10 tháng 10 năm 2011 theo Mã số doanh nghiệp số 0102174012.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xây lắp và thí nghiệm hiệu chỉnh công trình điện.

Trụ sở chính của Công ty tại Nhà lô 141, khu giãn dân Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 17.510.920.000 đồng, tổng số cổ phần là 1.751.092 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 3/10/2018, Chi cục thuế quận Hà Đông đã ra thông báo thuế số 25950/TB-CCT-KTr1 về việc người nộp thuế là Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký. Theo công bố của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội ngày 27/12/2018, Công ty đang có tên trong danh sách Doanh nghiệp yêu cầu báo cáo do bỏ địa chỉ kinh doanh. Nhưng thực tế, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường tại địa chỉ này, Ban giám đốc Công ty cam kết sẽ có những trao đổi cần thiết với cơ quan chức năng để thay đổi các thông tin trên.

Ngày 12/10/2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ra Thông báo số 1238/TB-SGDHN về việc tạm ngừng giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà (mã cổ phiếu (SDE)) kể từ ngày 17/10/2018. Lý do: Tổ chức niêm yết không khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị đưa vào diện kiểm soát và tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi đã bị đưa vào diện kiểm soát, thuộc trường hợp bị tạm ngừng giao dịch theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 điều 15 Quy chế niêm yết. Đặc biệt, Công ty chưa công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 và báo cáo tài chính bán niên năm 2018.

Ban giám đốc Công ty hiện đang tìm kiếm nhân sự phù hợp để bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng đã bị bỏ trống kể từ ngày 02/8/2016 đến nay.

Ngoài sự kiện phát sinh trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

| | |
|--------------------|------------------------------|
| Ông Lê Văn Thụ | Chủ tịch hội đồng quản trị |
| Ông Võ Khánh | Thành viên hội đồng quản trị |
| Ông Đồng Đăng Khôi | Thành viên hội đồng quản trị |
| Ông Lê Vĩnh Khang | Thành viên hội đồng quản trị |
| Ông Hồ Hoàng Tiến | Thành viên hội đồng quản trị |

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

| | |
|-------------------|-------------------|
| Ông Lê Văn Thụ | Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Vĩnh Khang | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

| | |
|-----------------------|------------|
| Ông Vũ Tiến Bộ | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Trung Dũng | Thành viên |
| Ông Trần Văn Hiệp | Thành viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ

Nhà số 141 - Khu giãn dân Mỗ Lao - Hà Đông - Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 30/6/2018.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

TM Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN THỤ

Y/C
UNHAI
VÀ
GIÁ
.M
TPX

Số: 184/BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà, được lập ngày 28/12/2018, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 30/6/2018, do đó, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt, khối lượng các công trình xây lắp dở dang tại thời điểm ngày 30/6/2018. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về giá trị tiền mặt tồn quỹ với số tiền là 2.907.539.196 đồng, giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với số tiền là 3.415.718.493 đồng tại thời điểm 30/6/2018.

Kết luận ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số VII.2 về khả năng hoạt động liên tục: Hoạt động của Công ty trong năm phụ thuộc hoàn toàn vào vốn vay, các khoản nợ chiếm dụng, các khoản này đều đã quá hạn thanh toán. Tại ngày 30/6/2018, số dư nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là hơn 30,1 tỷ đồng; lỗ lũy kế là hơn 53,9 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu của Công ty là âm hơn 30 tỷ đồng. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, Công ty có thể không có khả năng thực hiện giá trị tài sản hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả trong kỳ hoạt động bình thường.

Như đã trình bày tại thuyết minh số VII.1:

- Ngày 27/12/2018, Công ty đã bị nêu tên trong danh sách các doanh nghiệp yêu cầu báo cáo do bỏ địa chỉ kinh doanh. Vì vậy, HĐQT và BGD Công ty có hơn 6 tháng kể từ ngày có thông báo để làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước nhằm thay đổi thông tin cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.
- Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, cổ phiếu của công ty vẫn đang bị tạm ngừng giao dịch theo Thông báo số 1238/TB – SGDCKHN ngày 12/10/2018.
- Từ thời điểm miễn nhiệm kế toán trưởng vào ngày 02/8/2016 đến nay, Công ty vẫn chưa bố trí được nhân sự làm kế toán trưởng là chưa phù hợp với quy định của Luật kế toán hiện hành.



TỔNG THỊ BÍCH LAN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0060-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: đồng | |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 30/6/2018 | 01/01/2018 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 21.371.903.104 | 30.448.040.764 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 2.907.539.196 | 1.733.146.810 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 2.907.539.196 | 1.733.146.810 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 15.044.825.671 | 25.032.445.280 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 20.671.760.486 | 25.562.701.619 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 3.663.506.449 | 3.663.506.449 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 22.524.149.344 | 23.466.445.440 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | V.5 | (37.236.817.999) | (33.082.435.619) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | V.6 | 5.422.227.391 | 5.422.227.391 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 3.415.718.493 | 3.678.628.930 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 3.415.718.493 | 3.678.628.930 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.819.744 | 3.819.744 |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 3.819.744 | 3.819.744 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 61.967.616 | 86.713.866 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 6.000.000 | 6.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 6.000.000 | 6.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 37.967.616 | 44.713.866 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 37.967.616 | 44.713.866 |
| - Nguyên giá | 222 | | 14.809.047.632 | 14.809.047.632 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (14.771.080.016) | (14.764.333.766) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 18.000.000 | 36.000.000 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9 | 18.000.000 | 36.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 21.433.870.720 | 30.534.754.630 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2018 | Đơn vị tính: đồng 01/01/2018 |
|--|------------|-------------|-------------------------|---------------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 51.494.274.012 | 56.131.415.607 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 51.494.274.012 | 56.131.415.607 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 14.287.586.881 | 19.681.912.430 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 1.548.290.353 | 1.568.290.353 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 9.364.996.521 | 9.445.970.650 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.509.516.087 | 1.076.428.338 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 6.792.902.054 | 6.792.902.054 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 15.633.643.009 | 15.208.572.675 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15 | 2.420.885.629 | 2.420.885.629 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | (63.546.522) | (63.546.522) |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (30.060.403.292) | (25.596.660.977) |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | (30.060.403.292) | (25.596.660.977) |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 17.510.920.000 | 17.510.920.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 17.510.920.000 | 17.510.920.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 460.450.000 | 460.450.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 508.554.001 | 508.554.001 |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 5.398.256.320 | 5.398.256.320 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (53.938.583.613) | (49.474.841.298) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (49.474.841.298) | (14.022.018.048) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (4.463.742.315) | (35.452.823.250) |
| II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 21.433.870.720 | 30.534.754.630 |

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()


Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Tich Thi Hong Hai


Tich Thi Hong Hai



Lê Văn Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: đồng | |
|--|-------|-------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| | | | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 | Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 2.842.634.256 | 6.660.616.044 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | - | - |
| - Giảm giá hàng bán | 02b | | - | - |
| - Hàng bán bị trả lại | 02c | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 2.842.634.256 | 6.660.616.044 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 2.341.869.652 | 5.741.699.597 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 500.764.604 | 918.916.447 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 316.145 | 1.255.695 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | - | 91.910.934 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | 91.910.934 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 4.745.141.298 | 2.194.467.401 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (4.244.060.549) | (1.366.206.193) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.5 | - | 1.688.315.322 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 249.681.766 | 2.006.442.870 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (249.681.766) | (318.127.548) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (4.493.742.315) | (1.684.333.741) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | (4.493.742.315) | (1.684.333.741) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | (2.566) | (962) |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7 | (2.566) | (962) |

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

[Signature]
Tích Thị Hồng Hải

[Signature]
Tích Thị Hồng Hải



Lê Văn Thụ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

| CHỈ TIÊU | Mã số | Đơn vị tính: đồng | |
|---|-----------|--|--|
| | | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 | Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 7.997.838.814 | 9.067.026.513 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (6.291.422.938) | (6.329.934.102) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (1.075.368.135) | (1.601.292.829) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | - | (300.498.970) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | - | - |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 1.063.254.000 | 1.338.207.175 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (520.225.500) | (1.188.607.929) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 1.174.076.241 | 984.899.858 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | - | - |
| 2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được c/ | 27 | 316.145 | 1.255.695 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 316.145 | 1.255.695 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | - | 858.085.629 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | - | (328.142.188) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | - | 529.943.441 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 1.174.392.386 | 1.516.098.994 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 1.733.146.810 | 1.448.072.254 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 2.907.539.196 | 2.964.171.248 |

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

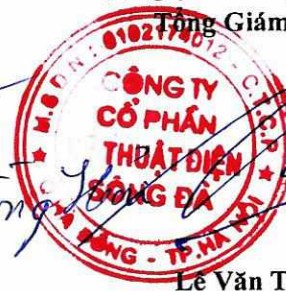
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

[Handwritten signature]
Đỗ Thị Hồng Hải

[Handwritten signature]
Đỗ Thị Hồng Hải



Lê Văn Thụ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 10 tháng 10 năm 2011 theo Mã số doanh nghiệp số 0102174012.

Trụ sở chính của Công ty tại Nhà lô 141, khu giãn dân Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây lắp nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các dây truyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành; thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ; duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây truyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 3000 MW;
- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán, hệ thống SCADA và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng độ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây truyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500 KV, công suất 3000 MW (không bao gồm dịch vụ thiết kế và giám sát công trình);
- Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện - điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây lắp các công trình điện, kinh doanh điện thương phẩm theo Luật điện lực;
- Đào tạo chuyên ngành điện kỹ thuật, điện tử, công nghệ thông tin, tin học (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và kỹ thuật dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình công nghiệp, các công trình đường thủy, bến cảng, cửa cống, đập và đê; xây dựng đường hầm; các công trình thể thao ngoài trời;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; cho thuê xe có người lái; hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch; hoạt động của cáp treo, đường sắt, leo núi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (lĩnh vực: lắp thiết bị công trình, xây dựng - hoàn thiện);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện (lĩnh vực: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (các mặt hàng được Nhà nước cho phép);

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, và các văn bản pháp lý liên quan khác theo quy định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

C.T.
HẠN
VÀ
31/Á
P.H.T

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập báo cáo tài chính, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo đúng qui định hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | | Đơn vị tính: đồng | | |
|---|-----------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|
| | | 30/6/2018 | 01/01/2018 | |
| 1. Tiền | | | | |
| - Tiền mặt | | 2.255.222.806 | 1.177.545.774 | |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | | 652.316.390 | 555.601.036 | |
| Cộng | | 2.907.539.196 | 1.733.146.810 | |
| 2. Phải thu khách hàng | | | | |
| a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn | | | | |
| - Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long | | 1.980.344.367 | 1.980.344.367 | |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Tây Bắc | | 1.068.989.320 | 1.068.989.320 | |
| - Công ty Cổ phần Phát triển KT Công nghệ EDH | | 1.795.625.363 | 1.795.625.363 | |
| - Công ty Cổ phần Xây lắp Newtech Vinh Hà | | 1.684.125.910 | 1.684.125.910 | |
| - Công ty Cổ phần và Phát triển du lịch Vinaconex | | 3.971.791.144 | 3.971.791.144 | |
| - Ban điều hành Dự án NMTĐ Sê san 3 | | 2.059.300.718 | 2.059.300.718 | |
| - Các khách hàng khác | | 8.111.583.664 | 13.002.524.797 | |
| Cộng | | 20.671.760.486 | 25.562.701.619 | |
| 3. Trả trước cho người bán | | | | |
| a) Trả trước cho người bán ngắn hạn | | | | |
| - Công ty TNHH MTV Kỹ thuật công nghệ SOMECO | | 240.000.000 | 240.000.000 | |
| - Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị công nghiệp | | 462.216.000 | 462.216.000 | |
| - Công ty TNHH DDT XD&TM Ngãi Cầu | | 830.585.354 | 830.585.354 | |
| - Công ty Cổ phần ĐTXD Incons | | 1.543.073.755 | 1.543.073.755 | |
| - Công ty CP ĐTXD&PTGD Hòa Bình | | 265.000.000 | 265.000.000 | |
| - Các khách hàng khác | | 322.631.340 | 322.631.340 | |
| Cộng | | 3.663.506.449 | 3.663.506.449 | |
| 4. Phải thu khác ngắn hạn, dài hạn | | | | |
| | | 30/6/2018 | 01/01/2018 | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | 22.524.149.344 | 15.070.944.791 | 23.466.445.440 | 14.171.849.516 |
| - Phải thu khác | 2.160.775.969 | - | 2.130.114.428 | - |
| - Tạm ứng | 20.363.373.375 | 15.070.944.791 | 21.336.331.012 | 14.171.849.516 |
| b) Dài hạn | 6.000.000 | - | 6.000.000 | - |
| - Ký quỹ, ký cược | 6.000.000 | - | 6.000.000 | - |
| Cộng | 22.530.149.344 | 15.070.944.791 | 23.472.445.440 | 14.171.849.516 |
| 5. Nợ xấu | | | | |
| | | 30/6/2018 | 01/01/2018 | |
| | Giá gốc | Giá trị có thẻ thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thẻ thu hồi |
| a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán | | | | |
| - Phải thu khách hàng | 18.502.366.759 | - | 18.502.366.759 | 2.156.235.171 |
| - Trả trước cho người bán | 3.663.506.449 | - | 3.663.506.449 | 1.099.051.934 |
| - Tạm ứng | 17.168.833.764 | 2.097.888.973 | 14.171.849.516 | - |
| Cộng | 39.334.706.972 | 2.097.888.973 | 36.337.722.724 | 3.255.287.105 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà lô 141 - Khu giãn dân Mỗ Lao - Hà Đông - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

| 6. Tài sản thiếu chờ xử lý | 30/6/2018 | 01/01/2018 |
|--|----------------------|----------------------|
| - Hàng tồn kho | 332.420.518 | 332.420.518 |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình đã thi công (*) | 4.972.652.873 | 4.972.652.873 |
| - Tài sản thiếu khác | 117.154.000 | 117.154.000 |
| Cộng | 5.422.227.391 | 5.422.227.391 |

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh của các công trình đã thi công với số tiền 4.972.652.873 đồng đang chờ rà soát, quyết toán thu hồi.

| 7. Hàng tồn kho | 30/6/2018 | | 01/01/2018 | |
|---------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 3.415.718.493 | - | 3.678.628.930 | - |
| Cộng | 3.415.718.493 | - | 3.678.628.930 | - |

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Cộng |
|-------------------------------|---------------------|------------------------|----------------|
| Nguyên giá TSCĐ | | | |
| Số dư đầu kỳ | 9.594.823.657 | 5.214.223.975 | 14.809.047.632 |
| Số tăng trong kỳ | - | - | - |
| Số giảm trong kỳ | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 9.594.823.657 | 5.214.223.975 | 14.809.047.632 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu kỳ | 9.592.013.243 | 5.172.320.523 | 14.764.333.766 |
| Số tăng trong kỳ | - | 6.746.250 | 6.746.250 |
| - <i>Khấu hao trong kỳ</i> | - | 6.746.250 | 6.746.250 |
| Số giảm trong kỳ | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 9.592.013.243 | 5.179.066.773 | 14.771.080.016 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | 2.810.414 | 41.903.452 | 44.713.866 |
| Tại ngày cuối kỳ | 2.810.414 | 35.157.202 | 37.967.616 |

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.728.092.632 đồng

| 9. Chi phí trả trước | 30/6/2018 | 01/01/2018 |
|----------------------|-------------------|-------------------|
| a) Dài hạn | 18.000.000 | 36.000.000 |
| - Công cụ, dụng cụ | 18.000.000 | 36.000.000 |
| Cộng | 18.000.000 | 36.000.000 |

| 10. Phải trả người bán | Giá trị | 30/6/2018 | Giá trị | 01/01/2018 |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | Số có khả năng trả nợ | | Số có khả năng trả nợ |
| a) Phải trả người bán ngắn hạn | 14.287.586.881 | 14.287.586.881 | 19.681.912.430 | 19.681.912.430 |
| - Công ty CP XD và xây lắp điện nước | 1.627.243.450 | 1.627.243.450 | 1.627.243.450 | 1.627.243.450 |
| - Công ty CP ĐT XD và TM Bình Minh | 1.241.901.379 | 1.241.901.379 | 1.276.901.379 | 1.276.901.379 |
| - Công ty TNHH Kiên Cường - Trường Lâm | 1.033.742.475 | 1.033.742.475 | 1.033.742.475 | 1.033.742.475 |
| - XN cơ khí 59-Chi nhánh Công ty TNHH MTV 27 | 2.372.704.191 | 2.372.704.191 | 2.372.704.191 | 2.372.704.191 |
| - Công ty TNHH MTV KTCN SOMECO | 1.332.325.516 | 1.332.325.516 | 1.332.325.516 | 1.332.325.516 |
| - Công ty CP DDTXD&PT GD Hòa Bình | 1.875.321.970 | 1.875.321.970 | 1.995.321.970 | 1.995.321.970 |
| - Các đối tượng khác | 4.804.347.900 | 4.804.347.900 | 10.043.673.449 | 10.043.673.449 |
| Cộng | 14.287.586.881 | 14.287.586.881 | 19.681.912.430 | 19.681.912.430 |

| 11. Người mua trả tiền trước | 30/6/2018 | 01/01/2018 |
|--|--------------------------------------|----------------------|
| | a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 1.548.290.353 |
| - Công ty CP thủy điện Sê san 4A | 405.832.451 | 405.832.451 |
| - Công ty CP Sông Đà 12 | 814.427.902 | 814.427.902 |
| - Công ty CP Đầu tư xây dựng và thương mại Quốc Tế | 228.030.000 | 228.030.000 |
| - Các đối tượng khác | 100.000.000 | 120.000.000 |
| Cộng | 1.548.290.353 | 1.568.290.353 |

| 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 01/01/2018 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | 30/6/2018 |
|--|----------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| | a) Phải nộp | | | |
| - Thuế giá trị gia tăng đầu ra | 4.851.450.482 | 264.026.668 | 345.000.000 | 4.770.477.150 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.842.118.505 | - | - | 2.842.118.505 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 767.350.910 | 12.359.203 | 12.360.000 | 767.350.113 |
| - Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác | 950.939.629 | - | - | 950.939.629 |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 34.111.124 | - | - | 34.111.124 |
| Cộng | 9.445.970.650 | 276.385.871 | 357.360.000 | 9.364.996.521 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

| 13. Chi phí phải trả | 30/6/2018 | 01/01/2018 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | a) Ngắn hạn | |
| - Chi phí lãi vay phải trả | 1.598.806.569 | 1.598.806.569 |
| - Chi phí trích trước các công trình | 4.639.513.863 | 4.639.513.863 |
| - Chi phí thuê nhà | 204.000.000 | 204.000.000 |
| - Các khoản chi phí khác | 350.581.622 | 350.581.622 |
| Cộng | 6.792.902.054 | 6.792.902.054 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà lô 141 - Khu giãn dân Mỗ Lao - Hà Đông - Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

| | | 30/6/2018 | 01/01/2018 |
|--|--|-----------------------|-----------------------|
| 14. Phải trả khác | | | |
| a) Ngắn hạn | | 15.633.643.009 | 15.208.572.675 |
| - Kinh phí công đoàn | | 746.683.275 | 733.588.876 |
| - Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp | | 9.489.708.287 | 9.180.516.122 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | | 5.397.251.447 | 5.294.467.677 |
| + Cổ tức | | 3.026.042.860 | 3.026.042.860 |
| + Phải trả khác | | 2.371.208.587 | 2.268.424.817 |
| Cộng | | 15.633.643.009 | 15.208.572.675 |

| 15. Vay và nợ thuê tài chính | | 30/6/2018 | | Trong năm | | 01/01/2018 | |
|-------------------------------------|---------------|-----------------------|------|-----------|---------------|-----------------------|--|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | |
| a) Vay ngắn hạn | 2.420.885.629 | 2.420.885.629 | - | - | 2.420.885.629 | 2.420.885.629 | |
| + Vay ngắn hạn | | | | | | | |
| - Vay cá nhân | 2.420.885.629 | 2.420.885.629 | - | - | 2.420.885.629 | 2.420.885.629 | |

- Các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn vay dưới 12 tháng và lãi suất vay theo mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo.

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| Khoản mục | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn Cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | LNST chưa PP và các quỹ | Cộng |
|----------------------|------------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 17.510.920.000 | 460.450.000 | 508.554.001 | (8.623.761.728) | 9.856.162.273 |
| Tăng vốn năm trước | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn năm trước | - | - | - | 35.452.823.250 | 35.452.823.250 |
| - Lỗ trong năm trước | - | - | - | 35.452.823.250 | 35.452.823.250 |
| Số dư cuối năm trước | 17.510.920.000 | 460.450.000 | 508.554.001 | (44.076.584.978) | (25.596.660.977) |
| Tăng vốn trong kỳ | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn trong kỳ | - | - | - | 4.463.742.315 | 4.463.742.315 |
| - Lỗ trong kỳ này | - | - | - | 4.463.742.315 | 4.463.742.315 |
| Số dư cuối kỳ | 17.510.920.000 | 460.450.000 | 508.554.001 | (48.540.327.293) | (30.060.403.292) |

| | 30/6/2018 | 01/01/2018 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp của Tổng Công ty Sông Đà | 290.000.000 | 290.000.000 |
| - Vốn góp của các Cổ đông khác | 17.220.920.000 | 17.220.920.000 |
| Cộng | 17.510.920.000 | 17.510.920.000 |
| c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối Cổ tức | | |
| + Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu kỳ | 17.510.920.000 | 17.510.920.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| - Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| - Vốn góp cuối kỳ | 17.510.920.000 | 17.510.920.000 |
| + Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |
| d) Cổ phiếu | | |
| Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.751.092 | 1.751.092 |
| Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng | 1.751.092 | 1.751.092 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.751.092 | 1.751.092 |
| Số lượng Cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành | 1.751.092 | 1.751.092 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.751.092 | 1.751.092 |
| Mệnh giá Cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 Cổ phiếu | | |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 | Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 |
|--|--|--|
| 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| - Doanh thu hợp đồng xây dựng và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện | 2.842.634.256 | 6.660.616.044 |
| Cộng | 2.842.634.256 | 6.660.616.044 |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| - Giá vốn hợp đồng xây dựng và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện | 2.341.869.652 | 5.741.699.597 |
| Cộng | 2.341.869.652 | 5.741.699.597 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 316.145 | 1.255.695 |
| Cộng | 316.145 | 1.255.695 |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| - Lãi tiền vay | - | 91.910.934 |
| Cộng | - | 91.910.934 |

| | Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 | Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 |
|---|--|--|
| 5. Thu nhập khác | | |
| - Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm | - | 1.688.315.322 |
| + Công trình Hương Điền | - | 228.154.400 |
| + Công trình Nậm Chiến | - | 1.460.160.922 |
| Cộng | - | 1.688.315.322 |
| 6. Chi phí khác | | |
| - Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội | 181.172.414 | 394.663.059 |
| - Chi phí khác | 68.509.352 | 1.611.779.811 |
| Cộng | 249.681.766 | 2.006.442.870 |
| 7. Lãi cơ bản trên Cổ phiếu | | |
| - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (4.493.742.315) | (1.684.333.741) |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông | (4.493.742.315) | (1.684.333.741) |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 1.751.092 | 1.751.092 |
| - Lãi cơ bản trên Cổ phiếu | (2.566) | (962) |
| - Lãi suy giảm trên Cổ phiếu | (2.566) | (962) |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 3/10/2018, Chi cục thuế quận Hà Đông đã ra thông báo thuế số 25950/TB-CCT-KTr1 về việc người nộp thuế là Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký. Theo công bố của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội ngày 27/12/2018, Công ty đang có tên trong danh sách Doanh nghiệp yêu cầu báo cáo do bỏ địa chỉ kinh doanh. Nhưng thực tế, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường tại địa chỉ này và Ban giám đốc Công ty cam kết sẽ có những trao đổi cần thiết với cơ quan chức năng để thay đổi các thông tin này.

Ngày 12/10/2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ra Thông báo số 1238/TB-SGDHN về việc tạm ngừng giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà (mã cổ phiếu (SDE)) kể từ ngày 17/10/2018. Lý do: Tổ chức niêm yết không khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị đưa và diện kiểm soát và tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi đã bị đưa vào diện kiểm soát, thuộc trường hợp bị tạm ngừng giao dịch theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 điều 15 Quy chế niêm yết. Đặc biệt, Công ty chưa công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 và báo cáo tài chính bán niên năm 2018.

Ban giám đốc Công ty hiện đang tìm kiếm nhân sự phù hợp để bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng đã bị bỏ trống kể từ ngày 02/8/2016 đến nay.

Ngoài sự kiện phát sinh trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin hoạt động liên tục

Hoạt động của Công ty trong năm phụ thuộc hoàn toàn vào vốn vay, các khoản nợ chiếm dụng và các khoản này đều đã quá hạn thanh toán. Tại ngày 30/6/2018, số dư nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là hơn 30,1 tỷ đồng; lỗ lũy kế là hơn 53,9 tỷ đồng; và vốn chủ sở hữu của Công ty là âm hơn 30 tỷ đồng. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, Công ty có thể không có khả năng thực hiện giá trị tài sản hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả trong kỳ hoạt động bình thường. Tuy nhiên, Ban giám đốc Công ty đã và đang nỗ lực tìm kiếm, đàm phán để có được các thỏa thuận tái cấp vốn hay gia hạn nợ của các chủ nợ nhằm duy trì hoạt động kinh doanh ổn định và tiến tới khắc phục các bất cập hiện nay.

3. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh ngành nghề xây lắp và thí nghiệm hiệu chỉnh điện trong cùng khu vực địa lý và không có khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

4. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 chuyển sang ngày 01/01/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thụ

Trần Thị Hồng Hải

Trần Thị Hồng Hải

